

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 11463/BGDĐT-VP

V/v: Quy định tiêu chuẩn đánh giá và cho điểm về các lĩnh vực công tác đối với các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2008

Kính gửi:

- Các đại học, học viện trực thuộc Bộ GD&ĐT
- Các trường đại học, cao đẳng trực thuộc Bộ GD&ĐT
- Thủ trưởng các đơn vị hữu quan thuộc Bộ GD&ĐT
- Công đoàn Giáo dục Việt Nam

Năm học 2008 - 2009 được xác định là “Năm học ứng dụng công nghệ thông tin và đổi mới quản lý tài chính”, ngành giáo dục tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 07/11/2006 của Bộ Chính trị về cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02-11-2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2010 và Chỉ thị số 33/2006/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về “Chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục”, khối các đại học, học viện, các trường đại học và cao đẳng là năm học thứ hai triển khai cuộc vận động “Hai không” với nội dung “Nói không với đào tạo không đạt chuẩn và không đáp ứng nhu cầu xã hội”.

Thực hiện Chỉ thị số 56/2008/CT-BGDĐT ngày 03-10-2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ của giáo dục đại học năm học 2008 - 2009 và Thông tư số 21/2008/TT-BGDĐT ngày 22-4-2008 hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành giáo dục, trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong năm học 2007 - 2008 và căn cứ tình hình thực tế của giáo dục đại học, Bộ sẽ xem xét đánh giá, xếp loại và khen thưởng các đại học, học viện, các trường đại học và cao đẳng trực thuộc Bộ GD&ĐT (gọi tắt là các đơn vị) trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học theo các tiêu chuẩn của 13 lĩnh vực công tác: công tác đào tạo; công tác tổ chức cán bộ, quản lý cán bộ công chức; công tác kế hoạch, thống kê, tài chính, xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; công tác học sinh, sinh viên; công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; công tác hợp tác quốc tế; công tác giáo dục quốc phòng; công tác pháp chế; công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục; công tác công nghệ thông tin; công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục; công tác thanh tra và tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Nói không với đào tạo không đạt chuẩn và không đáp ứng nhu cầu xã hội”. Mỗi lĩnh vực công tác cho điểm tối đa là 10, trong đó công tác thực hiện cuộc vận động “Nói không với đào tạo không đạt chuẩn và không đáp ứng nhu cầu xã hội” có hệ số 2. Một lĩnh vực công tác khác do đơn vị chọn là nhiệm vụ trọng tâm cũng có hệ số 2 (ví dụ như lĩnh vực công tác công nghệ thông tin). Như vậy tổng số điểm tối đa là 150 điểm.

A- Nội dung tiêu chuẩn và điểm đánh giá để xếp loại từng lĩnh vực công tác.

I. Tiêu chuẩn đánh giá, cho điểm về công tác tuyển sinh và công tác đào tạo.

Thực hiện tốt công tác tuyển sinh, xây dựng các tiêu chí và điều kiện để xét tuyển vào từng ngành đào tạo của trường.

1. Số ngành đào tạo đại học và số chuyên ngành đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ (2,0 điểm);
2. Quy mô đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ, đại học và cao đẳng (2,0 điểm);
3. Đánh giá phát triển chương trình đào tạo: khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo; phân tích so sánh với các chương trình đào tạo (2,0 điểm);
4. Phương thức tổ chức đào tạo: theo niên chế; theo tín chỉ (2,0 điểm);
5. Quản lý đào tạo và kết quả đào tạo (2,0 điểm).

II. Tiêu chuẩn đánh giá và cho điểm về công tác tổ chức cán bộ, quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

1. Có quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị, quy chế tổ chức hoạt động của các đoàn thể chính trị trong nhà trường; có nội quy làm việc và nội quy bảo đảm an ninh - trật tự cơ quan (2,0 điểm);

2. Có đủ số lượng cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên để thực hiện chương trình giáo dục và nghiên cứu khoa học; đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành nhiệm vụ được giao (2,0 điểm);

3. Đội ngũ giảng viên có cơ cấu trình độ (25% có trình độ tiến sĩ, 45% có trình độ thạc sĩ), cơ cấu ngành nghề phù hợp với chương trình đào tạo (2,0 điểm);

4. Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của đơn vị; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch; đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong đơn vị; có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước (2,0 điểm);

5. Thực hiện đúng chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên; tạo điều kiện để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên (2,0 điểm).

III. Tiêu chuẩn đánh giá và cho điểm về công tác kế hoạch, thống kê, tài chính, xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

1. Công tác kế hoạch: Xây dựng kế hoạch theo đúng hướng dẫn; có số liệu chi tiết và tính tỷ lệ % để so sánh, đánh giá việc thực hiện kế hoạch; có số liệu đánh giá việc thực hiện các mục tiêu lớn của đơn vị (2,0 điểm);

2. Công tác thống kê tổng hợp: Kiện toàn tổ chức và bộ máy thống kê tổng hợp của đơn vị; có ứng dụng tin học trong việc thu thập và xử lý số liệu trong công tác thống kê tổng hợp; số liệu thống kê đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời (2,0 điểm);

3. Công tác tài chính: Chấp hành việc báo cáo tài chính hàng năm theo đúng quy

định của Nhà nước, đầy đủ nội dung và đúng thời hạn; thực hiện công khai việc phân bổ các nguồn kinh phí tại đơn vị và xây dựng, ban hành quy chế chi tiêu nội bộ trong quản lý và sử dụng tại đơn vị theo quy định; cân đối được thu-chi tài chính, kết quả hoạt động tài chính hàng năm có thực hiện tăng thu nhập cho người lao động ngoài chế độ lương do Nhà nước quy định và trích lập các quỹ theo quy định; không có vi phạm về: quản lý đất đai, trụ sở làm việc, ngân sách, tiền và tài sản Nhà nước, thực hiện trang thiết bị và phương tiện làm việc quá tiêu chuẩn và định mức, quy chế tặng quà, nhận quà tặng và nộp lại quà tặng có sử dụng ngân sách Nhà nước (2, 0 điểm);

4. Công tác xây dựng cơ sở vật chất: Có quy hoạch và tổ chức xây dựng cơ sở vật chất của đơn vị theo hướng kiên cố hoá và hiện đại; có số liệu chi tiết để so sánh, đánh giá về số lượng, chất lượng xây dựng mới (phòng học, phòng thí nghiệm, ký túc xá, phòng TĐTT...) so với năm học trước (2,0 điểm);

5. Công tác thiết bị dạy học: Có giải pháp và kết quả cụ thể trong việc lập và thực hiện kế hoạch trang bị thiết bị dạy học; kịp thời thực hiện các thủ tục thực hiện dự án, nội dung dự án rõ ràng, nghiệm thu và bàn giao thiết bị dạy học trong năm tài chính (2,0 điểm).

IV. Tiêu chuẩn đánh giá và cho điểm về công tác học sinh, sinh viên.

1. Tổ chức thực hiện các quy định, quy chế về công tác học sinh, sinh viên (HSSV) (2,0 điểm):

a) Có kế hoạch, văn bản triển khai thực hiện các quy chế, quy định về công tác quản lý HSSV, giáo dục tư tưởng, văn hoá, hoạt động thể thao và y tế trường học (0,5 điểm);

b) Thực hiện đúng, đầy đủ, thường xuyên các quy định (1,0 điểm);

c) Có kế hoạch kiểm tra các quy định, định kỳ đánh giá và báo cáo đầy đủ (0,5 điểm).

2. Tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện, hoạt động phong trào cho HSSV (3,0 điểm):

a) Có kế hoạch triển khai, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các cuộc vận động của Trung ương, ngành và địa phương (0,5 điểm);

b) Xây dựng, tổ chức tốt phong trào học tập, nghiên cứu khoa học, tình nguyện trong HSSV (0,5 điểm);

c) Tổ chức, xây dựng phong trào luyện tập thể thao thường xuyên trong trường học. Hàng năm tổ chức Hội thi cấp trường và tham gia giải thể thao HSSV toàn quốc (0,5 điểm);

d) Tổ chức, xây dựng phong trào hoạt động văn hoá, văn nghệ. Hàng năm tổ chức Hội thi văn nghệ cấp trường và tham gia các cuộc thi văn nghệ cấp tỉnh, khu vực hoặc toàn quốc (0,5 điểm);

e) Tổ chức quản lý, chăm sóc sức khoẻ cho HSSV. Tuyên truyền, giáo dục, tư vấn các vấn đề liên quan đến sức khoẻ cho HSSV (0,5 điểm);

g) Xây dựng, tổ chức tốt phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc; Hoạt động giáo dục an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội (0,5 điểm).

3. Tổ chức, cán bộ và cơ sở vật chất phục vụ công tác HSSV (2,5 điểm):

a) Có phòng Công tác HSSV (Phòng Công tác chính trị - HSSV), Trạm Y tế,

khoa (bộ môn) Giáo dục thể chất; Đảm bảo số lượng cán bộ thực hiện các nhiệm vụ theo quy định (1,0 điểm);

b) Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất cho việc ăn, ở và sinh hoạt của HSSV như ký túc xá, nhà ăn, căng tin, bãi gửi xe... (0,75 điểm);

c) Đảm bảo điều kiện về thiết chế văn hoá như sân chơi, bãi tập, nhà đa năng, nhà văn hoá, trang thiết bị luyện tập TDTT, trang thiết bị y tế và thuốc thiết yếu... (0,75 điểm).

4. Sự phối hợp trong công tác HSSV (1,5 điểm):

a) Có kế hoạch, tổ chức phối hợp hiệu quả với các tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội sinh viên ... (0,5 điểm);

b) Có kế hoạch, quy chế phối hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả với chính quyền địa phương, gia đình HSSV trong công tác quản lý HSSV, đảm bảo an ninh, trật tự trong trường học (0,5 điểm);

c) Phối hợp với các đơn vị, đoàn thể trong trường thực hiện công tác HSSV để xây dựng môi trường trường học lành mạnh, an toàn (0,5 điểm).

5- Thành tích nổi bật về công tác HSSV (1,0 điểm):

a) Là mô hình, điển hình tốt về công tác HSSV tỉnh, thành, khu vực và toàn quốc được đánh giá ghi nhận (0,5 điểm);

b) Đạt thành tích xuất sắc về các hoạt động trong công tác HSSV được cơ quan có thẩm quyền ghi nhận (0,5 điểm).

V. Tiêu chuẩn đánh giá và cho điểm về công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

1. Xây dựng quy hoạch phát triển, định hướng và kế hoạch nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học (1,5 điểm);

2. Triển khai thực hiện, đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án các cấp đảm bảo tiến độ, kế hoạch. Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học có những đóng góp cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của ngành và cả nước (2,5 điểm);

3. Số lượng sách chuyên khảo, bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế đạt tương ứng với kế hoạch nghiên cứu và tiềm lực đội ngũ cán bộ của đơn vị (2,5 điểm);

4. Phát triển hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, đảm bảo gắn kết hoạt động nghiên cứu khoa học với đào tạo (2,0 điểm);

5. Có các quy định cụ thể quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của đơn vị, thực hiện công tác sở hữu trí tuệ, phát triển ứng dụng kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ (1,5 điểm).

VI. Tiêu chuẩn đánh giá và cho điểm về công tác hợp tác quốc tế.

1. Có chương trình và kế hoạch phát triển hợp tác quốc tế. Chương trình và kế hoạch phải nằm trong tổng thể chiến lược phát triển của cơ sở và phù hợp với chiến lược phát triển hợp tác quốc tế của ngành giáo dục và đào tạo (2,0 điểm);

2. Đã và đang triển khai hiệu quả các dự án, chương trình và các hoạt động hợp tác quốc tế (2,0 điểm);

3. Có đội ngũ cán bộ đủ năng lực (chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ,...) để xây dựng và triển khai công tác hợp tác quốc tế (2,0 điểm);

4. Có khả năng đảm bảo kinh phí và cơ sở vật chất phục vụ công tác hợp tác quốc tế (2,0 điểm);

5. Không vi phạm các quy định hiện hành của Nhà nước cũng như của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo (2,0 điểm).

VII. Tiêu chuẩn đánh giá và cho điểm về công tác giáo dục quốc phòng

1. Đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục quốc phòng - an ninh (3,0 điểm)

a) Tổ chức thực hiện nghiêm túc nội dung, chương trình giáo dục quốc phòng - an ninh (2,0 điểm);

b) Thực hiện đúng quy định về tổ chức dạy học, đánh giá kết quả môn học và quản lý, cấp phát chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh. Đối với những đơn vị liên kết giáo dục quốc phòng - an ninh, thực hiện đúng quy định liên kết giáo dục quốc phòng - an ninh (1,0 điểm);

2. Đội ngũ cán bộ và giảng viên đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục quốc phòng - an ninh (2,0 điểm)

a) Đội ngũ giảng viên đạt chuẩn về trình độ (1,0 điểm);

b) Không có cán bộ và giảng viên giáo dục quốc phòng - an ninh vi phạm kỷ luật (1,0 điểm);

Ghi chú: Đối với những đơn vị liên kết giáo dục quốc phòng - an ninh, có cán bộ chuyên trách phối hợp trong suốt quá trình thực hiện liên kết giáo dục quốc phòng - an ninh (2,0 điểm);

3. Đơn vị có sáng kiến hoặc đề tài nghiên cứu khoa học cấp khoa trở lên phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy giáo dục quốc phòng - an ninh (2,0 điểm);

4. Những đơn vị tự chủ trong giảng dạy giáo dục quốc phòng - an ninh, được trang bị đủ thiết bị giảng dạy giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định. Đối với những đơn vị liên kết giáo dục quốc phòng - an ninh, không có sinh viên vi phạm kỷ luật từ khiển trách trở lên (2,0 điểm);

5. Tổ chức quản lý để 100% sinh viên được tham gia học tập giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định (1,0 điểm).

VIII. Tiêu chuẩn đánh giá và cho điểm về công tác pháp chế

1- Thành lập tổ chức pháp chế hoặc phân công cán bộ kiêm nhiệm công tác pháp chế (2,0 điểm);

2- Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật: Thành lập Hội đồng (Ban) phổ biến giáo dục pháp luật; xây dựng kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật hàng năm; tổ chức giảng dạy chính khoá theo quy định và thường xuyên tổ chức phổ biến giáo dục pháp luật ngoại khoá cho sinh viên (2,5 điểm);

3- Tư vấn pháp luật và tham gia ý kiến đối với các dự thảo văn bản: Tổ chức tham gia ý kiến đối với văn bản do các cơ quan khác gửi đến và xây dựng các văn bản của Hội đồng trường, Hội đồng quản trị, Giám đốc, Hiệu trưởng đúng quy định của pháp luật; tổ chức tư vấn pháp luật có hiệu quả (2,0 điểm);

4- Kiểm tra, rà soát văn bản liên quan đến hoạt động của trường: Tổ chức rà soát và hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của trường; đề xuất phương án xử lý kết quả rà soát với cơ quan có thẩm quyền; báo cáo kết quả kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật khi được cơ quan cấp trên yêu cầu (1,5 điểm);

5. Tổ chức, thực hiện pháp luật: Tổ chức triển khai thực hiện đúng và kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật mới; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện pháp luật, nội quy, quy chế và kiến nghị những biện pháp xử lý vi phạm theo quy định (2,0 điểm).

IX. Tiêu chuẩn đánh giá và cho điểm về công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục

1. Về tổ chức: Có đơn vị (phòng/trung tâm/bộ phận) khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục, đảm nhiệm các công việc thi (2,0 điểm);

2. Lĩnh vực khảo thí:

a) Tổ chức tốt các hoạt động đổi mới thi, kiểm tra, đánh giá theo chủ trương của ngành (1,0 điểm);

b) Triển khai thực hiện Chỉ thị số 33/2006/CT-TTg ngày 08/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục và cuộc vận động “Hai không” của Bộ Giáo dục và đào tạo (1,5 điểm);

c) Tổ chức tốt các kỳ thi tuyển sinh hàng năm (1,0 điểm);

d) Chấp hành nghiêm và thực hiện đúng chỉ tiêu tuyển sinh được giao (0,5 điểm).

3. Lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Đầu tư nguồn lực cho công tác đảm bảo chất lượng:

- Đầu tư con người làm công tác đảm bảo chất lượng (1,0 điểm);

- Đầu tư tài chính cho công tác đảm bảo chất lượng (0,5 điểm);

- Đầu tư cơ sở vật chất cho công tác đảm bảo chất lượng (0,5 điểm).

b) Triển khai công tác tự đánh giá:

- Đã xây dựng kế hoạch triển khai công tác tự đánh giá (1,0 điểm);

- Kế hoạch tự đánh giá đã báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo (1,0 điểm).

X. Tiêu chuẩn đánh giá và cho điểm về công tác công nghệ thông tin

1. Có mạng nội bộ của trường nối đến tất cả các khoa, phòng, ban, trung tâm máy tính... và với băng thông Internet đủ lớn để dùng (qua ADSL, leased line) (1,0 điểm);

2. Cung cấp email đến toàn thể sinh viên, giảng viên và cán bộ quản lý trong toàn trường theo tên miền của trường (1,0 điểm);

Đánh giá nội dung hoạt động website của trường, có công bố đầy đủ, thường xuyên và kịp thời các thông tin chính yếu nhất như sau:

3. Chương trình đào tạo của các chuyên ngành (1,0 điểm);
4. Thông tin thi và tuyển sinh (1,0 điểm);
5. Đề tài nghiên cứu khoa học và sản phẩm chuyển giao công nghệ (1,0 điểm);
6. Thư viện giáo trình điện tử của trường, ít nhất mỗi khoa chuyên ngành có 10 đầu sách online, định dạng pdf có mục lục (1,0 điểm);
7. Bắt đầu có bài giảng eLearning trực tuyến, khuyết kích dùng mã nguồn mở Moodle, bài giảng theo SCORM, ít nhất mỗi chuyên ngành có 2 bài giảng điện tử e Learning (1,0 điểm);
8. Niên giám thống kê của trường qua ít nhất 5 năm hoặc kể từ khi thành lập (số sinh viên, giảng viên, tiến sĩ, giáo sư, phó giáo sư các khoa) (1,0 điểm);
9. Sử dụng các phần mềm mã nguồn mở trong đào tạo và quản lý (Open Office, Linux, Asianux server...) để đảm bảo tôn trọng bản quyền sử dụng phần mềm (1,0 điểm);
10. Hệ thống quản lý nhà trường (1,0 điểm).

XI. Tiêu chuẩn đánh giá và cho điểm về công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục.

1. Công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên (2,0 điểm):
 - a) Có quy hoạch, kế hoạch xây dựng, phát triển đội ngũ hàng năm (0,5 điểm);
 - b) Có văn bản chỉ đạo, văn bản hướng dẫn và triển khai thực hiện (0,5 điểm);
 - c) Có các hoạt động cụ thể để triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch (0,5 điểm);
 - d) Có văn bản báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch (0,5 điểm).
2. Công tác phát triển đội ngũ giảng viên (2,0 điểm):
 - a) Tổ chức hoạt động giáo dục ý thức chính trị, đạo đức nghề nghiệp (0,5 điểm);
 - b) Tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng có kết quả (0,5 điểm);
 - c) Tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học thường xuyên (0,5 điểm);
 - d) Tổ chức hoạt động giảng dạy theo đúng kế hoạch (0,5 điểm).
3. Công tác quản lý, sử dụng đội ngũ giảng viên (2,0 điểm):
 - a) Tổ chức tuyển dụng hàng năm theo đúng quy trình, dân chủ, công khai (0,5 điểm);
 - b) Bố trí, sắp xếp, sử dụng đội ngũ hợp lý (0,5 điểm);
 - c) Đánh giá đội ngũ thường xuyên (0,5 điểm);
 - d) Xây dựng, tạo nguồn cho đội ngũ (0,5 điểm).
4. Công tác xây dựng môi trường và tạo động lực cho đội ngũ giảng viên (2,0 điểm):
 - a) Mở rộng việc làm và quy mô công việc cho đội ngũ (0,5 điểm);
 - b) Có cơ chế khuyến khích đội ngũ nâng cao trình độ (0,5 điểm);
 - c) Có cơ chế đãi ngộ phù hợp (0,5 điểm);
 - d) Tạo cơ hội thăng tiến cho đội ngũ (0,5 điểm).
5. Hiệu quả của công tác quản lý đội ngũ giảng viên (2,0 điểm):

- a) Số lượng, quy mô, cơ cấu của đội ngũ phù hợp (0,5 điểm);
- b) Trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chức danh (0,5 điểm);
- c) Đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực (0,5 điểm);
- d) Chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội (0,5 điểm).

XII. Tiêu chuẩn đánh giá và cho điểm về công tác thanh tra.

1. Xây dựng, củng cố tổ chức Thanh tra, ban hành các Quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra trong nhà trường (2,0 điểm);
2. Xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm (2,0 điểm);
3. Triển khai thực nhiệm vụ thanh tra (2,0 điểm);
4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân (2,0 điểm);
5. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo (2,0 điểm).

XIII. Tổ chức thực hiện tốt các cuộc vận động:

1. Cuộc vận động “Nói không với đào tạo không đạt chuẩn, không đáp ứng nhu cầu xã hội”.

a) Tổ chức các hoạt động nhằm quán triệt nội dung cuộc vận động “Hai không” và “Nói không với đào tạo không đạt chuẩn, không đáp ứng nhu cầu xã hội” đến từng cán bộ, giảng viên, học sinh, sinh viên (2,5 điểm).

b) Có các thoả thuận hợp tác, các hợp đồng đào tạo với các địa phương, doanh nghiệp, các tập đoàn, các tổng công ty để thực hiện việc triển khai đào tạo theo nhu cầu xã hội (2,5 điểm).

2. Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”

Tiếp tục triển khai có hiệu quả thiết thực các hoạt động giới thiệu, học tập về thân thế, sự nghiệp và đạo đức Chủ tịch Hồ Chí Minh (2,5 điểm).

3. Tích cực tham gia cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương về đạo đức, tự học và sáng tạo” (2,5 điểm)

B- Tổ chức thực hiện.

I. Các đơn vị tự đánh giá và xếp loại:

Căn cứ mức độ hoàn thành các nhiệm vụ của năm học, các đơn vị thực hiện việc tự đánh giá cho điểm và xếp loại theo các mức: Loại tốt từ 130 điểm trở lên; loại khá từ 110 điểm đến dưới 130 điểm; loại trung bình từ 75 điểm đến dưới 110 điểm; loại yếu dưới 75 điểm.

Từ số điểm đạt được cùng với các tiêu chuẩn khác quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng và Thông tư số 21/2008/TT-BGDĐT ngày 22/4/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành giáo dục, các đơn vị tiến hành bình xét danh hiệu thi đua Tập thể Lao động xuất sắc, Tập thể Lao động tiên tiến và đề nghị hình thức khen thưởng theo quy định.

Các trường gửi báo cáo về các Vụ chức năng và báo cáo tổng hợp về Thường trực Hội đồng Thi đua khen thưởng ngành trước ngày 30/6/2009

II. Các vùng thi đua:

Để thuận lợi cho việc tổ chức ký kết giao ước thi đua, trao đổi, đánh giá, bình xét... sau mỗi kỳ hoặc năm học, Bộ Giáo dục và Đào tạo phân các đại học, học viện, các trường đại học, cao đẳng thành 3 vùng như sau:

- Vùng I: Các đơn vị thuộc khu vực Bắc bộ (từ Hà Giang đến Ninh Bình)
- Vùng II: Các đơn vị thuộc khu vực Trung bộ và Tây Nguyên
- Vùng III: Các đơn vị thuộc khu vực Nam bộ

III. Đối với các vụ, cơ quan chủ trì các lĩnh vực công tác:

1. Để giúp lãnh đạo Bộ theo dõi, chỉ đạo kịp thời các vùng thực hiện tốt các lĩnh vực công tác trong năm học, đồng thời để bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng các đơn vị được chính xác, khách quan, công bằng có tác dụng giáo dục, động viên, nêu gương học tập trong toàn ngành, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị các Vụ, Cục cử cán bộ trực tiếp theo dõi lĩnh vực công tác ở từng vùng.

2. Trên cơ sở theo dõi, kiểm tra trong năm học, đối chiếu với nhiệm vụ năm học, các vụ, cơ quan chủ trì các lĩnh vực công tác được lãnh đạo Bộ giao tiến hành bình xét, đánh giá, cho điểm các đơn vị, đề nghị khen thưởng và gửi kết quả về thường trực Hội đồng Thi đua-Khen thưởng ngành trước ngày 30/7/2009

IV. Những công việc cụ thể của từng vùng:

Năm đầu tiên Bộ chỉ định một đơn vị làm trưởng vùng, các đơn vị sẽ luân phiên nhau làm trưởng vùng năm tiếp theo với chức năng và nhiệm vụ:

- Tổ chức lễ ký kết giao ước thi đua;
- Tổ chức trao đổi học tập kinh nghiệm công tác quản lý và kiểm tra một số mặt công tác ở các thành viên trong vùng;
- Tổ chức họp, đánh giá, bình xét.

1. Tổ chức ký kết giao ước thi đua:

- Các đơn vị trong vùng tiến hành đăng ký thực hiện xuất sắc bao nhiêu lĩnh vực công tác cũng như hình thức khen thưởng (Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của Bộ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng) gửi về cho Trưởng vùng trước khi tiến hành ký kết giao ước thi đua.

- Nội dung ký kết giao ước thi đua: Trưởng vùng báo cáo các tiêu chí cụ thể, điểm các lĩnh vực công tác, các đại biểu tham dự hội nghị thảo luận, thống nhất, sửa chữa, bổ sung (có thể tăng bớt điểm ở từng tiêu chí, chọn lĩnh vực công tác hệ số 2) hoàn tất văn bản giao ước thi đua và tiến hành ký kết giao ước thi đua. Bản giao ước thi đua đã được ký kết đầy đủ gửi cho lãnh đạo Bộ và sao gửi cho thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành để theo dõi.

2. Tổ chức trao đổi kinh nghiệm công tác quản lý và thăm, làm việc, học tập một số đơn vị ở những mảng công việc được vùng đánh giá cao. Trưởng vùng có trách

nhiệm tổ chức cho các đơn vị gặp mặt trao đổi.

3. Tổ chức họp, đánh giá bình chọn:

- Trưởng vùng chủ động thời gian, địa điểm để tổ chức họp (Trưởng vùng gửi giấy mời cho các đơn vị) bình chọn các danh hiệu thi đua và đề nghị khen thưởng. Thành phần họp cụ thể: Lãnh đạo đơn vị (Giám đốc, Hiệu trưởng, Thủ trưởng đơn vị); Chủ tịch Công đoàn đơn vị; Chánh Văn phòng, Trưởng phòng, ban phụ trách công tác thi đua khen thưởng; chuyên viên trực tiếp làm công tác thi đua, khen thưởng; Thành phần mời dự họp về phía Bộ Giáo dục và Đào tạo: Lãnh đạo Bộ trực tiếp phụ trách theo dõi thi đua của vùng; các cán bộ chuyên viên đại diện các vụ chức năng theo dõi công tác thi đua của từng vùng được lãnh đạo Bộ phân công.

- Nội dung họp: Đồng chí Trưởng vùng báo cáo đánh giá khái quát những lĩnh vực công tác đạt thành tích xuất sắc của các đơn vị trong vùng; những lĩnh vực công tác còn hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm của các đơn vị; những đề xuất kiến nghị với Bộ; các đơn vị thảo luận báo cáo chung; đại biểu tham dự Hội nghị phát biểu ý kiến; lãnh đạo Bộ phát biểu chỉ đạo, đánh giá; Hội nghị bỏ phiếu suy tôn đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, xếp loại nhất, nhì, ba và các hình thức khen thưởng cho các đơn vị (Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của Bộ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng); Bỏ phiếu hoặc biểu quyết đề cử Trưởng vùng cho năm học tiếp theo; Bế mạc Hội nghị.

Để báo cáo đánh giá khái quát của Trưởng vùng có hiệu quả tốt, Bộ đề nghị các đơn vị trong vùng nộp báo cáo tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ năm học, tự đánh giá cho điểm, đề nghị khen thưởng gửi về cho Trưởng vùng trước ngày 30/6/2009 để kịp tổng hợp vào báo cáo chung.

4. Hồ sơ gửi về Hội đồng Thi đua, Khen thưởng ngành một bộ gồm:

- Tờ trình của Trưởng vùng đề nghị khen thưởng.
- Biên bản họp đánh giá, bình xét cuối năm của vùng.
- Báo cáo thành tích của đơn vị được đề nghị khen thưởng.
- Tóm tắt thành tích của đơn vị được đề nghị khen thưởng (cho trường hợp đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ).

Số lượng bộ hồ sơ gửi về Hội đồng Thi đua, Khen thưởng ngành: Đề nghị khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của Bộ là 3 bộ; Bằng khen của Bộ trưởng là 1 bộ.

Kết thúc Hội nghị, Trưởng các vùng gửi các loại báo cáo về thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành giáo dục (Phòng TĐKT - Văn phòng Bộ, 49 đại Cồ Việt, Hà Nội; Tel: 04.38692013; 04.36230767) trước ngày 31-7-2009 :

- Báo cáo chung tổng kết đánh giá khái quát những lĩnh vực công tác đạt thành tích xuất sắc, những lĩnh vực công tác còn hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm của các đơn vị trong vùng và những đề xuất, kiến nghị với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các báo cáo tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ năm học, tự đánh giá cho điểm các lĩnh vực công tác của các đơn vị và tờ trình đề nghị khen thưởng của từng đơn vị

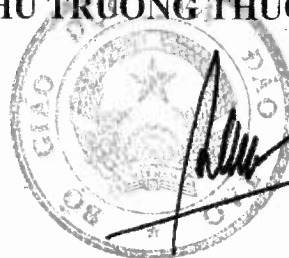
trong vùng.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ để bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Ban TĐKTTW;
- Lưu VT-PTĐKT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**



Bành Tiến Long

Phụ lục I

Danh sách các đơn vị thuộc các vùng thi đua

Vùng I:

- 1- Đại học Thái Nguyên
 - 1.1- Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp
 - 1.2- Trường Đại học Nông Lâm
 - 1.3- Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh
 - 1.4- Trường Đại học Y khoa
 - 1.5- Trường Đại học Sư phạm
 - 1.6- Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ Thuật
- 2- Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
- 3- Trường Đại học Xây dựng
- 4- Trường Đại học Mỏ - Địa chất
- 5- Trường Đại học Giao thông vận tải
- 6- Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội
- 7- Trường Đại học Kinh tế quốc dân
- 8- Trường Đại học Thương mại
- 9- Trường Đại học Ngoại thương
- 10- Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp
- 11- Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- 12- Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2
- 13- Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên
- 14- Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương
- 15- Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Tây
- 16- Trường Đại học Hà Nội
- 17- Trường Đại học Tây Bắc
- 18- Học viện Quản lý Giáo dục
- 19- Viện Đại học Mở Hà Nội
- 20- Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương
- 21- Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương
- 22- Trường Đại học Dân lập Phương Đông
- 23- Trường Đại học Dân lập Đông Đô
- 24- Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội
- 25- Trường Đại học Dân lập Hải Phòng
- 26- Trường Đại học Dân lập Lương Thế Vinh

- 27- Trường Đại học Thăng Long
- 28- Trường Đại học FPT
- 29- Trường Đại học Quốc tế Bắc Hà
- 30- Trường Đại học Tư thục Công nghệ và QL Hữu nghị
- 31- Trường Đại học Thành Tây
- 32- Trường Đại học Đại Nam
- 33- Trường Đại học Nguyễn Trãi
- 34- Trường Đại học Chu Văn An
- 35- Trường Đại học Hà Hoa Tiên
- 36- Trường Đại học Hoà Bình
- 37- Trường Cao đẳng Công nghệ Thành Đô
- 38- Trường Cao đẳng Công nghệ Bắc Hà
- 39- Trường Cao đẳng Ngoại ngữ-Công nghệ Việt Nhật
- 40- Trường Cao đẳng Bách Khoa Hưng Yên
- 41- Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hà Nội
- 42- Trường Cao đẳng Đại Việt

Vùng II

1- Đại học Huế

- 1.1- Trường Đại học Khoa học
- 1.2- Trường Đại học Nông lâm
- 1.3- Trường Đại học Kinh tế
- 1.4- Trường Đại học Y - Dược
- 1.5- Trường Đại học Sư phạm
- 1.6- Trường Đại học Ngoại ngữ
- 1.7- Trường Đại học Nghệ thuật

2- Đại học Đà Nẵng

- 2.1- Trường Đại học Bách khoa
- 2.2- Trường Đại học Kinh tế
- 2.3- Trường Đại học Ngoại ngữ
- 2.4- Trường Đại học Sư phạm
- 2.5- Trường Cao đẳng Công nghệ
- 2.6- Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin

3- Trường Đại học Vinh

- 4- Trường Đại học Quy Nhơn
- 5- Trường Đại học Nha Trang

- 6- Trường Đại học Tây Nguyên
- 7- Trường Đại học Đà Lạt
- 8- Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương - Nha Trang
- 9- Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn
- 10- Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương Nha Trang
- 11- Trường Đại học Dân lập Phú Xuân
- 12- Trường Đại học Dân lập Duy Tân
- 13- Trường Đại học Yersin Đà Lạt
- 14- Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
- 15- Trường Đại học Phan Chu Trinh
- 16- Trường Đại học Quang Trung
- 17- Trường Cao đẳng Dân lập Kinh tế-Kỹ thuật Đông Du
- 18- Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghiệp Quảng Ngãi
- 19- Trường Cao đẳng Công Nghệ Đông Á
- 20- Trường Cao đẳng Tư thực Đức Trí
- 21- Trường Cao đẳng Đông Á
- 22- Trường Cao đẳng Phương Đông

Vùng III

- 1- Trường Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh
- 2- Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh
- 3- Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh
- 4- Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
- 5- Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh
- 6- Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao TP Hồ Chí Minh
- 7- Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp
- 8- Trường Đại học Cần Thơ
- 9- Trường Đại học Mở TP Hồ Chí Minh
- 10- Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP Hồ Chí Minh
- 11- Trường Cán bộ Quản lý GD và ĐT II
- 12- Trường Dự bị Đại học TP Hồ Chí Minh
- 13- Trường Đại học Dân lập Ngoại ngữ Tin học TP Hồ Chí Minh
- 14- Trường Đại học Dân lập Văn Lang
- 15- Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ TP Hồ Chí Minh
- 16- Trường Đại học Dân lập Hùng Vương
- 17- Trường Đại học Dân lập Hồng Bàng

- 18- Trường Đại học Dân lập Văn Hiến TP Hồ Chí Minh
- 19- Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn
- 20- Trường Đại học Bình Dương
- 21- Trường Đại học Lạc Hồng
- 22- Trường Đại học Dân lập Cửu Long
- 23- Trường Đại học Hoa Sen
- 24- Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP Hồ Chí Minh
- 25- Trường Đại học Tư thục Quốc tế Sài Gòn
- 26- Trường Đại học Tư thục Công nghệ Thông tin Gia Định
- 27- Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu
- 28- Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An
- 29- Trường Đại học Tây Đô
- 30- Trường Đại học Võ Trường Toản
- 31- Trường Cao đẳng Dân lập Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương
- 32- Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Đồng Nai
- 33- Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Sài Gòn
- 34- Trường Cao đẳng Kinh tế - Công nghệ TP Hồ Chí Minh
- 35- Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vạn Xuân
- 36- Trường Cao đẳng Văn hoá Nghệ thuật và Du lịch Sài Gòn
- 37- Trường Cao đẳng Nguyễn Tất Thành
- 38- Trường Cao đẳng Bách Việt
- 39- Trường Cao đẳng Viễn Đông.

Phụ lục II

Danh sách các đơn vị chủ trì đánh giá các lĩnh vực công tác

STT	Lĩnh vực công tác	Đơn vị đánh giá
1	Công tác tuyển sinh và công tác đào tạo	Vụ Giáo dục Đại học
2	Công tác tổ chức cán bộ, quản lý cán bộ công chức	Vụ Tổ chức Cán bộ
3	Công tác kế hoạch, thống kê, tài chính, xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học	Vụ Kế hoạch - Tài chính Cục Cơ sở vật chất và Thiết bị trường học, Đồ chơi trẻ em
4	Công tác học sinh, sinh viên	Vụ Công tác Học sinh, Sinh viên
5	Công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường
6	Công tác Hợp tác quốc tế	Vụ Hợp tác Quốc tế Cục Đào tạo với nước ngoài
7	Công tác giáo dục quốc phòng	Vụ Giáo dục Quốc phòng
8	Công tác Pháp chế	Vụ Pháp chế
9	Công tác khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục	Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng Giáo dục
10	Công tác Công nghệ Thông tin	Cục Công nghệ Thông tin
11	Công tác Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục	Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục
12	Công tác Thanh tra	Thanh tra
13	Tổ chức thực hiện các cuộc vận động	Công đoàn Giáo dục Việt Nam Vụ Công tác Học sinh, Sinh viên Văn phòng